

Bản án số: 344/2026/HS-PT

Ngày 26 - 5 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Nam.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Minh Châu.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Minh Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 256/HSPT ngày 13 tháng 4 năm 2026 đối với các bị cáo Phan Công T và Bùi Thanh S do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 127/2026/HS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phan Công T, sinh năm 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: F10/3 Ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ là F10/3 Ấp A, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn G và bà Đỗ Thị Bích P; có vợ và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; tại ngoại, có mặt.

2. Bùi Thanh S, sinh năm 1990 tại Tiền Giang (nay là Đồng Tháp); nơi thường trú: 199 ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp (địa chỉ cũ là 199 ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang); cư trú: 85 M, Khu phố F, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ là H M, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn D và bà Võ Thị Hồng V; có vợ và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 13/3/2025, Bùi Thanh S điều khiển xe ô tô biển số 51C-579.10 và Phan Công T điều khiển xe ô tô tải biển số 62H-029.97 cùng lưu thông trên đường T hướng từ đường N về đường V. Khi T và S lưu thông đến cầu Bà L (trước địa chỉ 1A83, ấp C, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh) thì xe của T vượt lên và chạm vào phần đầu xe của S. Sau đó, cả 02 dừng xe ô tô song song trên cầu B, chặn hết lòng đường làm cho các phương tiện tham gia giao thông khác di chuyển khó khăn. Sau đó, Bùi Thanh S bước xuống xe dùng chân đá vào đầu xe ô tô của Phan Công T nên T bước xuống xe cãi nhau lớn tiếng với S. Tiếp đó, S dùng tay đánh vào đầu T, T dùng tay đỡ và đánh lại S. T và S giằng co đánh nhau được khoảng 05 phút thì có ông Lương Hữu T1 đến can ngăn nên cả hai lên xe bỏ đi. Bà Nguyễn Thị Thu T2 thuộc lực lượng Thanh niên xung phong đến Công an xã P trình báo, sau đó vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H điều tra, xử lý.

Tại Công văn số 565/UBND ngày 13/3/2025 của Ủy ban nhân dân xã P xác định: “Địa điểm xảy ra tại cầu B trước địa chỉ A T, ấp C, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi công cộng. Hành vi của các đối tượng làm cho người dân hoang mang, lo sợ và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó hành vi này là hành vi gây rối trật tự công cộng.”

Tại Cơ quan điều tra, Phan Công T và Bùi Thanh S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của T và S phù hợp với lời khai của người liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 231/CT-VKS-HS ngày 09/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Bùi Thanh S, Phan Công T về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 127/2026/HS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 318; Điều 38; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Phan Công T 05 (năm) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 318; Điều 38; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh S 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 24/3/2026, các bị cáo Phan Công T, Bùi Thanh S kháng cáo xin giảm hình phạt, cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo Bùi Thanh S, Phan Công T, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhận định án sơ thẩm đã xét xử đối với là đúng người, đúng tội, không oan sai. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo kháng cáo mà có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nhưng mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là tương xứng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Công T, Bùi Thanh S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Các bị cáo Phan Công T, Bùi Thanh S trình bày: hai bị cáo lần đầu phạm tội, là lao động chính trong gia đình nên xin được khoan hồng.

- Nói lời sau cùng của các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 08 giờ ngày 13/3/2025, Bùi Thanh S điều khiển xe ô tô biển số 51C-579.10 và Phan Công T điều khiển xe ô tô tải biển số 62H-029.97 cùng lưu thông trên đường T hướng từ đường N về đường V. Khi T và S lưu thông đến cầu Bà L (trước địa chỉ 1A83, ấp C, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh) thì xe của T vượt lên va chạm vào phần đầu xe của S. Sau đó, cả 02 dừng xe ô tô song song trên cầu B, chắn hết lòng đường làm cho các phương tiện tham gia giao thông khác di chuyển khó khăn. Bùi Thanh S bước xuống xe dùng chân đá vào đầu xe ô tô của Phan Công T nên T bước xuống xe cãi nhau lớn tiếng với S. Tiếp đó, S dùng tay đánh vào đầu T, T dùng tay đỡ và đánh lại S. T và S giằng co đánh nhau được khoảng 05 phút thì có ông Lương Hữu T1 đến can ngăn nên cả hai lên xe bỏ đi. Bà Nguyễn Thị Thu T2 thuộc lực lượng Thanh niên xung phong đến Công an xã P trình báo, sau đó vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H điều tra, xử lý.

Tại Công văn số 565/UBND ngày 13/3/2025 của Ủy ban nhân dân xã P xác định: “Địa điểm xảy ra tại cầu B trước địa chỉ A T, ấp C, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi công cộng. Hành vi của các đối tượng làm cho người dân

hoang mang, lo sợ và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, hành vi này là hành vi gây rối trật tự công cộng.”

Như vậy, hành vi khách quan của các bị cáo Bùi Thanh S, Phan Công T đã phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (viết tắt là Bộ luật Hình sự). Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

[2] Với hành vi khách quan nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử:

Các bị cáo Bùi Thanh S, Phan Công T về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự (thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm) là đúng người, đúng tội, không có oan sai.

Và khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại các điểm i điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo S 06 tháng tù, bị cáo T 05 tháng tù là trong khung hình phạt.

- Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm:

+ Bị cáo S bổ sung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có ông ngoại là liệt sĩ; gia đình có hoàn cảnh khó khăn hiện là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo T bổ sung xác nhận của chính quyền địa phương trong thời gian cư trú tại địa phương chưa có vi phạm, là tình tiết về nhân thân.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, hiện trường nơi xảy ra vụ án là trên đường lộ nhiều phương tiện tham gia giao thông, các bị cáo điều khiển nguồn nguy hiểm cao độ nhưng thiếu kìm chế trong giải quyết mâu thuẫn khi xảy ra va chạm dẫn đến phải chịu hậu quả của hành vi phạm tội mà họ đã gây ra. Mức hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo mới đủ sức giáo dục họ ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Vì vậy, xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo S và bị cáo T, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hậu quả của hành vi phạm tội. Mặc dù, có thêm tình tiết mới nhưng mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là không nặng, là tương xứng.

[3] Với lập luận tại đoạn [1] và [2] là căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận hay không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Thanh S, Phan Công T, cũng như quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát.

Và giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Xét về án phí đối với các bị cáo: phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Thanh S, Phan Công T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh S 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Phan Công T 05 (năm) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND Tối cao;(1) **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Tp . HCM;(3)

- VKSND Khu vực 10; (1)

- THA-DS Khu vực 10; (1)

- TAND Khu vực 10; (2)

- Công an Tp . HCM; (1)

- Phòng PV 06 - CA Tp. HCM;(1)

- Bị cáo;(2)

- Sở Tư pháp; (1) **Bùi Đức Nam**

- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)

- Lưu, hình sự, hồ sơ; (19) (4)